

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày 15-01-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đình Q**, sinh năm 1963; Trú tại: thôn B, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Trần Phương T**, sinh năm 1997; ông **Phạm Trung Th**, sinh năm 1999 và ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1985; Đều ở địa chỉ: 3.. L, phường H, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2024)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1985;

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Những người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1985; trú tại thôn Độ Trung, xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Bà T, anh H có mặt; vắng mặt ông Th, ông T, anh P;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Đình Q và những người đại diện theo ủy quyền của ông Q trình bày:

Ông và anh Nguyễn Đình H là người khác thôn nhưng cùng xã và biết nhau do anh H hay lấy hàng thức ăn chăn nuôi gia súc. Do cần tiền trả nợ nên đầu năm 2013 anh H có đặt vấn đề hỏi ông cho vay số tiền 50.000.000 đồng, ông nhất trí, theo đó hai bên có làm giấy biên nhận ngày 07/3/2013 âm lịch (tức ngày 16/4/2013 dương lịch) với nội dung “Chú H thôn Đ, xã Đ có vay của ông số tiền 50.000.000 đồng (viết bằng chữ: “Năm mươi triệu đồng chẵn”). Lãi suất 12,5%/năm” ở mục

người vay có chữ ký và ghi rõ họ tên của anh Nguyễn Đình H, có người làm chứng là anh Nguyễn Xuân P ở cùng thôn với anh H chứng kiến. Cùng với việc viết giấy trên, ông đã đưa đủ 50.000.000 đồng tiền mặt cho anh H nhận. Đây là khoản vay không có thời hạn, tức khi nào cần thì ông sẽ thông báo trước để anh H thu xếp trả. Nguồn tiền trên là tiền riêng của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông hay bất cứ ai khác, vợ ông là bà Nguyễn Thị Vân cũng đã có văn bản xác nhận khoản tiền trên là tiền riêng của ông. Khi cần tiền, ông đã nhiều lần liên hệ, đòi tiền nhưng anh H không trả tiền nợ gốc và lãi nên ngày 29/5/2024, ông đã ủy quyền cho đơn vị trợ giúp pháp lý là Công ty Luật TNHH A gửi văn bản yêu cầu anh H phải trả nợ gốc và tiền lãi trong thời hạn là 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhưng anh H vẫn không trả và không có bất kỳ phản hồi nào (có vận đơn bưu điện) đã giao nộp cho Tòa án.

Nay, ông yêu cầu anh Nguyễn Đình H phải trả cho ông toàn bộ số nợ gốc: 50.000.000 đồng và tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán là 12,5%/năm, kể từ ngày vay 16/4/2013 tính đến ngày giải quyết, xét xử (tạm tính đến ngày 02/12/2024 với tổng tiền lãi tạm tính 4248 ngày là 72.739.726 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 122.739.726 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

Trước đây ông Q buôn bán cám chăn nuôi gia súc, lúc đó anh cũng chăn nuôi và mua cám của người khác nhưng còn nợ tiền chưa trả. Năm 2013 ông Q có bảo về chỗ ông ấy lấy cám nhưng anh có nói vẫn còn nợ tiền chưa trả người ta nên có hỏi vay ông Q để trả họ thì mới về mua cám của ông Q được, ông Q nhất trí. Vì vậy mà ông Q nhất trí cho anh vay 50.000.000 đồng, theo đó hai bên có làm giấy biên nhận ngày 07/3/2013 âm lịch (tức ngày 16/4/2013 dương lịch) với nội dung “Chú H thôn Đ, xã Đ có vay của ông Q số tiền 50.000.000 đồng (viết bằng chữ: “Năm mươi triệu đồng chẵn”. Lãi suất 12,5%/năm” ở mục người vay, có chữ ký và ghi rõ họ tên của anh là Nguyễn Đình H, có anh Nguyễn Xuân P ở cùng thôn với anh chứng kiến và ký giấy làm chứng. Cùng với việc viết giấy trên, anh đã nhận đủ số tiền vay do ông Q đưa cho. Anh đã được xem giấy biên nhận vay tiền đề ngày 07/3/2023 âm lịch do ông Q xuất trình cho Tòa án và xác định chữ ký, chữ viết ở mục người vay là do anh ký và viết ra, không có ý kiến thắc mắc gì. Đây là khoản vay không có thời hạn, tức khi nào cần thì ông Q sẽ thông báo trước để anh thu xếp trả cho ông ấy. Do chăn nuôi thua lỗ nên anh bỏ và đi làm thuê, sau đó hoàn cảnh gia đình anh khó khăn, bố đẻ ốm, vợ mỗ nên anh đã gặp và xin ông Q cho trả dần ông Q cũng nhất trí (hai bên chỉ nói miệng với nhau). Anh đã nhận được thông báo yêu cầu trả nợ của ông Q gửi cho nhưng do điều kiện khó khăn nên đến nay anh vẫn chưa trả được.

Nay, nguyên đơn ông Nguyễn Đình Q khởi kiện yêu cầu anh phải trả cho ông Q toàn bộ số nợ gốc: 50.000.000 đồng và tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán là 12,5%/năm, kể từ ngày vay 16/4/2013 tạm tính đến ngày 02/12/2024 với tổng tiền lãi tạm tính 4248 ngày là 72.739.726 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là

122.739.726 đồng. Quan điểm của anh do hoàn cảnh hiện nay anh rất khó khăn nên anh xin trả nợ gốc 50.000.000 đồng, còn anh xin toàn bộ tiền lãi. Nếu được như vậy, anh xin trả dần nợ gốc cho ông Q làm hai đợt, mỗi năm anh xin trả 25.000.000 đồng vào một ngày cụ thể của cuối năm đó. Trường hợp không được chấp nhận đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng anh Nguyễn Xuân P trình bày:* Anh đều có họ hàng xa với ông Q, anh H. Năm 2013 anh H có đến vay tiền ông Q trả nợ, anh có đi cùng và chứng kiến toàn bộ sự việc anh H vay tiền của ông Q như các bên đã khai, sau khi giao nhận tiền, anh có ký vào giấy biên nhận với tư cách là người chứng kiến.

Bà Nguyễn Thị V (vợ ông Q) xác định khoản tiền cho vay là tài sản riêng của ông Q. Chị Vũ Thị H xác định khoản tiền anh H vay là sử dụng vào việc làm ăn riêng của anh H, không liên quan đến chị.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc anh Nguyễn Đình H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 16/4/2013 đến thời điểm xét xử, ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Đình H vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, anh nhất trí với số tiền nợ gốc và khoản tiền lãi như quan điểm của đại diện cho nguyên đơn trình bày tại phiên tòa. Vì hoàn cảnh gia đình anh gặp khó khăn nên anh xin được trả dần, trường hợp nguyên đơn không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm nghị án và đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 429, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Đình H phải trả cho ông Nguyễn Đình Q số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về tiền án phí: Anh Nguyễn Đình H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đình Q là nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Phạm Trần Phương T, ông Phạm Trung Th, ông Nguyễn Trọng T. Tại phiên tòa bà T có mặt, ông Th, ông T vắng mặt và đã có đơn xét xử vắng mặt, bà T nhất trí vì đã có bà đại diện cho nguyên đơn là đảm bảo. Do đó, căn cứ Điều

227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông Th, ông T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về việc vay tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Đình Q xuất trình giấy vay nợ thể hiện ngày 07/3/2013 âm lịch (tức ngày 16/4/2013 dương lịch) cho anh Nguyễn Đình H vay số tiền 50.000.000 đồng, không có thời hạn trả, như vậy thời hạn anh H phải trả nợ khi ông Q đòi. Ngày 29/5/2024, ông Q đã ủy quyền cho đơn vị trợ giúp pháp lý là Công ty Luật TNHH An Phước gửi văn bản yêu cầu anh H phải trả nợ gốc và tiền lãi trong thời hạn là 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhưng anh H vẫn không trả và không có bất kỳ phản hồi nào, ngày 20/9/2024 ông Q khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung của giao dịch vay tài sản: Ngày 07/3/2013 âm lịch (tức ngày 16/4/2013 dương lịch) ông Q đã viết giấy biên nhận với nội dung cho anh H vay tiền. Theo nội dung của văn bản, anh H có vay của ông Q số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/năm” có người làm chứng là anh Nguyễn Xuân P ở cùng thôn với anh H chứng kiến. Trên cơ sở nội dung của giấy biên nhận, căn cứ theo Điều 463 và Điều 469 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, hợp đồng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[5] Xét thỏa thuận vay nợ tại giấy biên nhận ngày 07/3/2013 âm lịch (tức ngày 16/4/2013 dương lịch) thấy: Đây là thỏa thuận vay tiền không có thời hạn và có lãi. Ông Q đã nhiều lần đòi nhưng anh H không trả. Về nguồn gốc số tiền cho anh H vay, ông Q và bà Vân (vợ ông Q) đều thống nhất xác định đây là tài sản riêng của ông Q, cho anh H vay riêng, không liên quan đến vợ anh H, anh H cũng thừa nhận việc vay nợ theo các nội dung trên là đúng. Vì vậy, Tòa án buộc anh Nguyễn Đình H phải trả cho ông Nguyễn Đình Q số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng; Về lãi suất: tại giấy biên nhận, các bên có thỏa thuận về lãi suất 12,5%/năm, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo mức lãi suất trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu anh H phải trả lãi trên cơ sở mức lãi suất 10%/năm, anh H nhất trí. Xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại giấy vay tiền và đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cần được chấp nhận. Do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc anh H phải trả cho ông Q lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử là 4292 ngày và phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, do ông Q là người cao tuổi đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên HĐXX không phải xử lý; Anh Nguyễn Đình H có nghĩa vụ phải trả nợ nên phải chịu án phí dân sự quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về... án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 429, 463, 466, 357, 468, 469, 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q.

Buộc anh Nguyễn Đình H có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Đình Q số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 58.794.000 đồng (làm tròn). Tổng nợ gốc và lãi phải trả: 108.794.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 5.440.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân